

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHIÊM HOÁ  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST

Ngày 09/9/2022

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Bích Hằng và ông Ma Văn Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Văn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Bàn Văn T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn Nà D, xã Trung H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang.  
Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Chị Đặng Thị V, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn Nà D, xã Trung H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang.  
Vắng mặt lần 02, đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, biên bản làm việc, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Bàn Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đặng Thị V kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 30/10/2002, được tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sinh sống tại thôn Nà D, xã

Trung H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2015 thì chị V đi làm ăn xa nhà, kể từ khi đi làm ăn xa chị V ít về thăm nhà, không quan tâm đến chồng con, không liên lạc về gia đình, anh đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị Vân không nghe mà vẫn tiếp tục đi làm xa nhà nên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và đồng thời vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan hệ gì với nhau nữa. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đặng Thị V.

- Về con chung: Anh và chị V có 02 người con là Bàn Văn Ph, sinh ngày 24/7/1994 và Bàn Thị L, sinh ngày 16/8/2006. Khi ly hôn, anh đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Đối với cháu Ph đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh xác định không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn chị Đặng Thị V đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng). Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bàn Văn T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án và không thay đổi, bổ sung gì.

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với anh Đặng Văn T (em trai của chị Đặng Thị V) và ông Bàn Văn A - Trưởng thôn Nà D, xã Trung H, huyện Chiêm H được biết: Chị Đặng Thị V có hộ khẩu thường trú tại thôn Nà D, xã Trung H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang, tuy nhiên thực tế hiện nay chị V đã đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình và địa phương, anh T chỉ biết chị V làm việc tại tỉnh Hải Phòng và không biết cụ thể địa chỉ của chị V. Quá trình chung sống anh T và chị V có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chị V đi làm xa nhà, vợ chồng nghi ngờ ghen tuông xảy ra cãi vã. Anh T và chị Vân có 02 con chung là Bàn Văn Ph, sinh ngày 24/7/1994 và Bàn Thị L, sinh ngày 16/8/2006.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56,

57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Bàn Văn T, xử cho anh Bàn Văn T được ly hôn chị Đặng Thị V;

Về con chung: Giao con chung là Bàn Thị L, sinh ngày 16/8/2006 cho anh Bàn Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Đặng Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đối với con chung là Bàn Văn Ph đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, anh T không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, không đề nghị xem xét.

Về vay nợ chung: Không có, không đề nghị xem xét.

Về án phí, quyền kháng cáo: Anh Bàn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Bàn Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với chị Đặng Thị V có hộ khẩu thường trú tại thôn Nà D, xã Trung H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Chị Đặng Thị V có hộ khẩu thường trú tại thôn Nà D, xã Trung H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Chị Vân đi làm ăn xa nhà, nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ chị V đang ở đâu, làm gì. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với chị V, chị V không đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bàn Văn T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Đặng Thị V vắng mặt 02 lần không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Bàn Văn T và chị Đặng Thị V có đủ điều kiện kết hôn, kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 30/10/2002, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị V là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh T và chị V chung sống tại thôn Nà D, xã Trung H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, nghi ngờ ghen tuông, xảy ra nhiều cãi vã, vợ chồng không có sự quan tâm, yêu thương, chia sẻ chăm sóc nhau, chị V đi làm ăn xa không quan tâm đến chồng con nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn đối với chị V. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị V đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bàn Văn T, xử cho anh T được ly hôn chị Đặng Thị V.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị V có 02 người con chung là Bàn Văn Ph, sinh ngày 24/7/1994 và Bàn Thị L, sinh ngày 16/8/2006. Đối với con chung là Ph đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, anh T không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết; đối với cháu L, anh T đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Chị V không có mặt tại gia đình và địa phương, đồng thời cũng không có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện quan điểm ý kiến về quyền nuôi dưỡng con; cháu L có nguyện vọng được anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Bàn Thị L cho anh Bàn Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Anh T xác định không vay nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Bàn Văn T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định; chị Đặng Thị V không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- *Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bàn Văn T

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Bàn Văn T được ly hôn chị Đặng Thị V.

2. Về con chung: Giao con chung là Bàn Thị L, sinh ngày 16/8/2006 cho anh Bàn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Đặng Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

3. Về án phí: Anh Bàn Văn T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005339 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Hằng      Ma Văn Sơn**

**Hoàng Mạnh Tuấn**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- THADS huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Trung Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Mạnh Tuấn**